

# Chămpa trong mối quan hệ triều cống và thương mại với các vương triều Trung Hoa (thế kỷ X - XV)

ĐỖ TRƯỜNG GIANG\*

Năm 1000, nhà nước Chămpa rời đô về Vijaya, và từ đây trở đi lịch sử Chămpa bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ Vijaya. Năm 1007 sứ thần Chămpa sang triều cống nhà Tống Trung Quốc đã nói: “xứ của thần trước đây thuộc châu Giao, sau đó bọn thần trốn về Vijaya cách chỗ cũ 700 dặm về phía nam” (*Tống sử*, dẫn theo Maspero, 1928). Thư tịch cổ Trung Quốc như *Chư phiên chí* cuối đời Tống cũng cho biết nước Chiêm Thành có “quốc đô gọi là Tân Châu...” để phân biệt Cựu Châu là vùng Amaravati. *Nguyên sử* gọi vùng Vijaya là Đại Châu.

Giữa thế kỷ X, ngay sau khi Canton mở cửa trở lại cho việc buôn bán với nước ngoài dưới thời Hậu Chu (951-956) và sau đó là triều đại Tống (960-1279), quốc vương Chămpa đã sớm sử dụng các thương nhân Hồi giáo ở Panduranga để tiến hành quan hệ thương mại và thâm nhập vào hệ thống thương cảng mới mở cửa trở lại ở miền nam Trung Hoa.

Những nhóm thương nhân này từ sớm đã có những mối liên hệ qua lại thường

xuyên với các quốc vương Chămpa. Đặc biệt, họ đã có một vai trò quan trọng trong việc nắm giữ vị trí trung gian trong quan hệ giữa vương quốc Chămpa với triều đình Trung Hoa. Trong một phái đoàn triều cống của Chămpa gửi tới Trung Quốc vào năm 958, người đại diện của vua Chămpa là một người Hồi giáo có tên là Abu Hasan (P'u Ho-san). Năm 961, Abu Hasan trở lại Trung Quốc và mang theo lá thư của một ông vua Chăm mới là Jaya Indravarman I cùng với vật phẩm gửi tới triều đình Trung Hoa là gỗ thơm, ngà voi... và 20 bình A Rập, tất cả những sản phẩm này được lấy từ sản phẩm thương mại được diễn ra ở các thương cảng của vương quốc Chămpa. *Từ những cứ liệu lịch sử này, chúng ta có thể thấy rằng, Chămpa đã rất cố gắng, và tích cực dự nhập vào con đường thương mại của khu vực, họ đã chủ động liên kết với những thương nhân A Rập năng động đang hoạt động rộng khắp trên vùng biển Đông Nam Á để thực hiện tham vọng của mình.*

Mạng lưới buôn bán ở Đông Á và khu

---

\* Đỗ Trường Giang, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

vực biển Đông đã được kết nối một cách chặt chẽ với hệ thống các mối quan hệ thân thuộc đối với Trung Quốc. Theo đó, tất cả các sứ đoàn đến Trung Quốc đều được coi là những sứ bộ của những quốc gia chư hầu. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trên thực tế những chuyến đi như vậy thường có tính hai mặt mà nguồn lợi luôn ở về phía các nước chư hầu. Thời Đường-Nguyên chế độ cống nạp đã trở thành nền tảng cho việc xây dựng một hệ thống mang tính phổ biến về thương mại đặt dưới sự quản lý của chính quyền trung ương. Chăm-pa là một trong số những vương quốc đã tích cực nhất trong việc dự nhập vào hệ thống này của Trung Hoa<sup>(1)</sup> (xem bảng 1).

Số lượng phái đoàn triều cống của Chăm-pa tới Trung Hoa thời Tống là 62 đoàn, nghĩa là chỉ đứng sau Đại Việt, quốc gia láng giềng ở phía Nam của Trung Quốc. Điều đó đã chứng minh cho sự nỗ lực của Chăm-pa trong việc thiết lập một mối quan hệ thường xuyên với Trung Quốc. Chắc chắn Chăm-pa - cũng giống như các vương quốc ở Đông Nam Á khác, đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc

tham gia vào mạng lưới “thương mại triều cống” của Trung Hoa.

Thời Nam Tống (1127-1279), trị giá cống phẩm của mỗi một sứ bộ thường được dự đoán là hơn 10.000 xâu tiền. Trong đó, sứ bộ được ghi chép là lớn nhất từ quốc gia phương Nam - đó là Chăm-pa vào năm 1156 - được dự đoán là trị giá 107.000 xâu tiền (*Sung hui-yao Chi-kao*: 7739 [*Fan-i* IV:79b-80a])

Trong một thống kê những sứ bộ lớn nhất từ các quốc gia phương Nam đến triều đình nhà Tống trong các năm 1155 và 1156, thì Chăm-pa cùng với Đại Việt và Tam Phật Tề (Palembang - Sri Vijaya) đã cử những sứ bộ lớn hơn cả. Trong đó, Đại Việt đã dâng lên hoàng đế Trung Hoa 9 con voi thuần dưỡng, đồ vàng trị giá hơn 1.000 lạng; Chăm-pa dâng lên hơn 60.000 cân mộc hương; Tam Phật Tề một lượng phong phú hương liệu, mộc hương và các sản vật quý hiếm của vùng Tây Á.

Chăm-pa (ngày 14 tháng 10 âm lịch năm Shao-hsing thứ 25):

150 cân Phụ Tử trầm hương, 390 cân trầm hương, 2 kiện trầm (tổng là 12 cân), 3.690 cân chiên-hương (loại tốt nhất), 120

**Bảng 1: Số lượng các phái đoàn triều cống đến Trung Quốc qua các nguồn tư liệu chính sử của nhà Tống (960-1279)**

Chiao-chih; An-nan (An Nam - Đại Việt)	76	Po-ni (Brunei)	2
Chan-Ch'êng (Champa - Chiêm Thành)	62	Shê-p'o (Java)	2
Ta-shi (Đại Thực - các nước A Rập)	53	Tán-mei-liu (Tambralinga?)	2
San-fo-chi (Tam Phật Tề - Sri Vijaya)	12	P'u-kan (Pagan)	2
T'ien-chu (Thiên Trúc - Bắc Ấn Độ)	5	Pin-t'ung-lung (Panduranga - miền Trung Việt Nam)	1
P'u-tuan (Butuan - Mindanao ?)	4	San-ma-lan (?)	1
Chu-nien (Chola ?)	4	P'u-p'o-chung (?)	1
Chên-li-fu (Vùng hạ thung lũng Chaophraya ?)	3	T'u-po (?)	1
Ta-li (Đại Lý - Yunnan)	3	Lo-hu (Lopburi)	1

**Nguyên:** Dẫn theo Momoki Shiro: “Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV”)

cân chiên-hương (loại tốt thứ hai), 480 cân chiên hương loại kiện, 239 cân chiên hương loại búp, 300 cân hương trầm, 3.450 cân tốc hương (loại thượng hạng), 1.440 cân tốc hương (loại hai), 168 mẫu ngà voi, 20 mẫu sừng tê, 60 cân mai rùa, 120 cân tsan-hương, 180 cân trầm hương nén, 360 mẫu lông chim trả, dầu nhập ngoại để thấp đủ 10 đèn, 55.020 cân hương trầm vùng Ô Ly (thần thuộc của Chămpa). (Nguồn: *Sung hui-yao Chi-kaio*: 7848-7849 (*fan-i* VII:46b-48b) (Momoki, 320)<sup>(2)</sup>.

Trong một chuyên khảo bàn về kinh tế Chămpa, GS. Momoki Shiro dựa vào thư tịch cổ cũng đã cung cấp một danh mục hàng hoá Chămpa xuất khẩu sang Trung Hoa: “Vàng, bạc, thiếc, sắt, ngọc “baomu”, ngọc trai “Chengshuichu”, ngọc trai lửa, hổ phách, pha lê, ốc tiên?, các loại đá “pusashi”, sừng tê, ngà voi, mai rùa, trầm hương, gỗ đàn hương, long não, xạ hương, trầm, hồng thuỷ, dầu lửa, bông, vải “Zhaoxia”, vải có vẽ màu, vải bông trắng, chiếu lá cọ, “mingjiao”? “wujiao”? sáp ong vàng, lưu huỳnh, gỗ vang, gỗ mun, tre “guanyin”, gạo, tổ yến, hạt tiêu, cau, dừa, mít, cây “haiwuzi”, cây anit, ớt lựu, nhục đậu khấu, tê giác, sư tử, voi, vượn, khỉ trắng, voi trắng, chim “chiji”, vẹt, chim “shanji”, chim “guifei”, rùa”<sup>(3)</sup>.

Người Chăm trong lịch sử sớm có cái nhìn về biển đúng đắn và cũng đã sớm chủ động dự nhập mạnh mẽ vào dòng chảy của nền hải thương khu vực. Trước thời kỳ Vijaya, Chămpa đã từng có những thời kỳ phát triển mang tính trội vượt từ thế kỷ VII-X, các thương cảng ven bờ biển của Chămpa đã ngày càng trở nên quen thuộc với hải trình của các đoàn tàu buôn trên biển, các thương cảng của Chămpa như Cù Lao Chàm, Panduranga đã sớm trở thành những trạm trung chuyển (Entrepôt) tương đối thịnh đạt<sup>(4)</sup>.

Việc Cù Lao Chàm đánh mất vị thế của mình, cũng như việc Thi Nại (Sri Boney) nổi lên như một trong những thương cảng chính của Chămpa, một mặt là do những áp lực về chính trị ngày càng mạnh mẽ từ người láng giềng Đại Việt ở phía Bắc, nhưng mặt khác cũng cho thấy những sự thay đổi của hải trình thương mại trên biển giữa Trung Quốc với các trung tâm thương mại khác. Việc kinh đô Chămpa chuyển rời về vùng Vijaya, diễn ra gần như đồng thời với những thách thức mới đang đặt ra cho vương quốc Chămpa, đó là sự trỗi dậy của hai người láng giềng Đại Việt ở phía Bắc và Chân Lạp ở phía Nam.

Qua khảo sát thực địa, một số nhà nghiên cứu cho rằng niên đại của thành Thi Nại<sup>(5)</sup> và cảng Thi Nại được xây cất sớm nhất là vào năm 803, muộn nhất là vào năm 1000, khi người Chăm dời vào đóng đô ở Đồ Bàn thì đã có thành này rồi, và được tồn tại đến thế kỷ XV với 31 tên gọi khác nhau (Đình Bá Hoà, 1986). Sách *Kinh thế đại điển tự lục*, một thư tịch cổ của Trung Quốc đã chép về Thi Nại như sau: “Cửa cảng phía bắc liền với biển, bên cạnh có 5 cảng nhỏ thông với Đại Châu của nước ấy, phía đông nam có núi ngăn, phía tây có thành gỗ”. Học giả Manguin khi tìm hiểu về các cảng thị trên bờ biển Việt Nam cho rằng: “ở bờ biển Việt Nam, Quy Nhơn (vịnh Thi Nại) là vịnh được cấu tạo cho việc trú ẩn của tàu thuyền tốt nhất. ở đó được thiết lập cảng của kinh đô Vijaya - Thi Nại chính trong sách *Sử ký* viết là “thương cảng thứ nhất của Chămpa”. Ở đó còn có Tân Châu (Sin Tcheou) - cảng của những nhà du hành Trung Quốc vào thế kỷ XV”<sup>(6)</sup>.

Với vị trí tự nhiên thuận lợi, nằm ở cửa ngõ của đồng bằng trù phú, có vị thế vươn ra biển, nên chắc chắn Thi Nại đã sớm trở thành thương cảng của vùng Vijaya.

Thương cảng này đặc biệt sống động và phát triển nhộn nhịp sau khi Vijaya trở thành đô thành của vương quốc Chăm pa<sup>(7)</sup>. *Toàn thư* cũng ghi chép lại sự nhộn nhịp của thương cảng này: “thuyền buôn các nơi tụ họp ở đây...chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là chỗ bến tàu”<sup>(8)</sup>. *Cùng với sự hội nhập của cả vương quốc vào mạng lưới của nền hải thương khu vực, Thi Nại đã nắm giữ vị thế là thương cảng số một, quan trọng nhất của vương quốc Chăm pa.*

Có một điều gần như chắc chắn rằng, Thi Nại không phải là thương cảng duy nhất trên lãnh thổ của vương quốc Chăm pa, mà đó chỉ là một thương cảng chính, nắm vai trò là trung tâm xuất - nhập khẩu hàng hoá lớn nhất của Chăm pa. Và để Thi Nại có thể tồn tại được như một “thương cảng thứ nhất”, các vương triều Chăm pa ở Vijaya cũng đã phải dày công kiến lập một hệ thống các thương cảng phụ/nhánh nắm vai trò là những trung tâm thu gom, chuyển vận hàng hoá từ các các vùng, sau đó tập trung về Thi Nại, rồi mới tiếp tục được trao đổi, buôn bán với các thương nhân nước ngoài.

Đến thời kỳ nhà Minh, việc thiết lập mối quan hệ triều cống và thương mại với “thiên triều” Trung Hoa càng được các vương triều Chăm pa quan tâm hơn nữa. Ngay sau khi được thành lập, triều Minh đã thi hành chính sách “*hải cấm*”, chủ trương “*thôn bất hạ hải*”. Nội dung của chính sách hải cấm là “cấm các thuyền bè tư nhân đi ra nước ngoài và hoạt động ngoại thương chỉ dành cho các đội thuyền của Hoàng đế và những nước tới Trung Quốc dưới hình thức các sứ bộ đến triều cống”<sup>(9)</sup>. Mục đích của chính sách này là nhằm độc quyền hoạt động ngoại thương, củng cố sức mạnh trong nước, ngăn cản những nguy cơ bên ngoài có thể làm tổn hại

tới sức mạnh của chính quyền Trung ương.

Tuy nhiên, để bù lấp vào sự thiếu hụt các sản phẩm tiêu dùng cần thiết vốn vẫn phải nhập khẩu từ bên ngoài đồng thời tỏ rõ uy lực của thiên triều, nhà Minh vẫn yêu cầu nhiều nước láng giềng châu Á thực hiện chế độ cống nạp. Sự giao thiệp đầu tiên của nhà Minh với các quốc gia phương Nam được ghi nhận là diễn ra vào năm 1369, mà thực chất là nhằm để khoa trương với các quốc gia này về thắng lợi vĩ đại trước quân Mongols và sự thiết lập một vương triều chính thống mới. Phái bộ của nhà Minh đã được gửi tới Triều Tiên và Đại Việt trong cùng một ngày, và sau một tháng là tới Chăm pa, Java, Nam Ấn và Nhật Bản. Thời điểm này, Chăm pa đã gửi phái bộ đầu tiên của họ tới Trung Quốc, và là vương quốc đầu tiên ở Đông Nam Á thực hiện điều này.

Trong khoảng thời gian từ 1405-1433, triều đình nhà Minh đã cử Trịnh Hòa tiến hành bảy cuộc viễn chinh lớn tới các nước Nam Dương. Những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa về mặt chính trị, yêu cầu các quốc gia phương Nam tới triều cống và chịu sự thần phục, mà hơn thế, đó có thể coi là những chuyến đi khảo sát tình hình phát triển của các trung tâm kinh tế, các thị trường kinh tế, đồng thời thiết lập các mối quan hệ về thương mại và buôn bán. Các cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa đã có những tác động không nhỏ tới sự thay đổi và chuyển biến của hệ thống thương mại khu vực, và nhiều nhà nghiên cứu đã coi đó là “điểm khởi đầu của thời đại thương mại của Đông Nam Á”<sup>(10)</sup>. Trong số các nơi mà đội tàu của Trịnh Hoà đã tới có thương cảng của Chăm pa - nhiều khả năng đó là thương cảng Thi Nại.

Chăm pa chắc hẳn đã phải nhận thức

rất rõ được vị thế của Trung Hoa dưới triều Minh, và cũng đã hưởng ứng một cách tích cực trước yêu cầu của các hoàng đế Trung Hoa. Trong khoảng thời gian từ 1400 đến năm 1479 số lượng các phái đoàn triều cống của Chămpa gửi tới triều đình Trung Hoa chiếm một vị trí trội vượt so với các quốc gia trong khu vực: 52 phái đoàn (bảng 2). Trong suốt đầu thời nhà Minh, Chămpa đã dâng cống 31 món (tất cả đều là sản vật của địa phương) cho Trung Quốc, trong đó không dưới 13 đồ cống vật làm từ bông vải. Những món hàng dâng cống đó là: "Voi, ngà voi, tê giác sừng tê, chim công, đuôi công, trầm vỏ cam dùng để xúc cơ thể, long não, trầm xúc quần áo, kalambak, đàn hương, tùng bách, trầm bột, cây lê, cây mun, trầm hoa mây, vải in hoa cải củ, vải in màu đỏ, vải đỏ, vải bông trắng, vải bông đen, vải in hoa ngọc bích tròn, khăn tay, khăn vấn đầu bằng vải tula<sup>(11)</sup>.

Một số nguồn tư liệu cho chúng ta biết rằng, trong các phái đoàn triều cống của

Chămpa và một số nước ở phương Nam có mang theo cả các tư thương, và những phái bộ này đã nhiều lần bị triều đình nhà Minh nhắc nhở<sup>(12)</sup>. Điều này, cho chúng ta thấy rằng, thương mại là một trong những mục đích chính đằng sau những phái đoàn triều cống của Chămpa, và các vương quốc khác gửi tới triều đình Trung Hoa.

Việc Chămpa gửi các phái đoàn triều cống đến triều đình Trung Hoa, có thể vẫn giống như những gì Chămpa đã từng làm trước đó, là nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao, cũng như thiết lập quan hệ thương mại, buôn bán với một thị trường đầy tiềm năng, mà ở đó, Chămpa chắc chắn là những người có được lợi nhuận nhiều hơn. Nhưng, sự trội vượt của các phái đoàn triều cống Chămpa gửi tới triều đình nhà Minh còn được lý giải ở một khía cạnh khác: Đó là Chămpa đến giai đoạn này dường như đã không còn duy trì được sức phát triển của mình như những giai đoạn trước đó; hơn nữa, áp lực chính trị của quốc gia láng giềng phía Bắc là Đại Việt

**Bảng 2: Thống kê các phái đoàn triều cống của Đông Nam Á tới Trung từ 1400 đến 1510**

Từ Năm	Java	Pasai	Siam	Chămpa	Campuchia	Pahang	Malacca	Brunây	Philippin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1400-09	8	3	11	5	4		3	3	2
1410-19	6	7	6	9	3	3	8	4	2
1420-29	16	5	10	9			5	2	5
1430-39	5	3	4	10			3		
1440-49	7		3	9			2		
1450-59	3		2	3			3		
1460-69	3	1	1	4			2		
1470-79			4	3			1		
1480-89		3	3	3					
1490-99	2		3	3					
1500-10			1	2			2		

*Nguồn:* Dẫn theo Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Vol. II "Expansion and Crisis", Yale University Press, London, 1993, p.16).

ngày càng trở nên là một thách thức thực sự đối với vương quốc Chăm pa. Sự thần thuộc, triều cống đối với triều đình nhà Minh để tìm kiếm sự ủng hộ và “che chở” chắc hẳn là một lý do quan trọng trong việc gia tăng quan hệ trên nhiều mặt giữa Chăm pa với nhà Minh. Chăm pa được coi như một “chư hầu trung thành” (a loyal vassal) của triều đình nhà Minh<sup>(13)</sup>.

Như vậy, có thể thấy rằng, trong suốt chiều dài lịch sử của mình, vương quốc Chăm pa đã dày công kiến lập và duy trì một mối quan hệ hữu hảo với “thiên triều” Trung Hoa. Trong mối quan hệ này, Chăm pa chấp nhận thần thuộc và triều cống Trung Quốc; nhưng đổi lại, Chăm pa nhận được sự bảo trợ của Hoàng đế Trung Hoa trước những đe dọa của các nước láng giềng, hơn nữa, Chăm pa được phép thiết lập quan hệ thương mại thông qua các hoạt động triều cống. Đây hẳn phải là mối quan hệ mà cả hai bên đều có lợi, nhưng Chăm pa có lẽ vẫn là người được hưởng lợi nhiều hơn bởi những lợi ích mà họ nhận được. Việc duy trì một mối quan hệ hữu hảo với “thiên triều” Trung Hoa là một trong những nhân tố dẫn tới sự ổn định của vương quốc Chăm pa, và cũng là một tiền đề quan trọng để Chăm pa có thể dự nhập mạnh mẽ vào hệ thống thương mại của khu vực thời cổ trung đại./.

### CHÚ THÍCH

1. K.R.Hall: *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, 1995, tr.183
2. Momoki Shiro: *Đại Việt và thương mại ở biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, in trong: “Đông Á, Đông Nam Á - Những vấn đề lịch sử và hiện tại”, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004, tr.309-330
3. Momoki Shiro: *Chăm pa, chỉ là một thể chế biển? (Những ghi chép về nông nghiệp và ngành nghề trong các tư liệu Trung Quốc)*, tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á 4/1999, tr.45.
4. Tham khảo: Hoàng Anh Tuấn, *Cù Lao Chàm và hoạt động thương mại ở biển Đông thời vương quốc Chăm pa*, trong: Khoa Lịch Sử, Trường ĐH KHXH&NV: Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (1995-2000), Nxb Chính trị Quốc gia, 2000, tr.123-134; và Đỗ Trường Giang: *Sự phát triển của thương mại Chăm pa thế kỷ IX-X*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 (78), 2006, tr.75-79.
5. Dấu vết Thành Thi Nại còn lại đến ngày nay nằm trên địa phận thôn Bình Lâm, xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, nằm ở hạ lưu sông Côn, tiếp giáp với đầm Thi Nại - một hải cảng tự nhiên sớm được sử dụng trong lịch sử.
6. Manguin: *Les Portugais sur les côtes du Việt Nam et du Campa*, BEFEO, T.L XV Paris, 1968, tr.166
7. Lê Đình Phụng: *Vài ý kiến về thành cổ Chăm pa ở Bình Định*, chuyên san “Văn hoá Chăm trên đất Bình Định”, Sở VH TT Bình Định, 1993, tr.5-26.
8. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1993, tr.87.
9. Shigeru Ikuta, *Vai trò của các cảng thị ở vùng ven biển Đông Nam Á từ đầu thế kỷ II TCN đến thế kỷ XIX*, trong: Đô thị cổ Hội An, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội-1991, tr.253.
10. A. Reid: *Sojourners and Settlers: Histories of Southeast Asia and the Chinese*, Asian Studies Association of Australia, 1996, p.28.
11. Dẫn theo: Momoki Shiro, *Chăm pa, chỉ là một thể chế biển...*, tài liệu đã dẫn, tr.46.
12. Wang Gungwu: *China and the Chinese Overseas*, Times Academic Press, 1991, tr.51.
13. Wang Gungwu: *China and the Chinese Overseas*, sđd, tr.56